

# MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ CỦA HÀN QUỐC SAU KHỦNG HOẢNG: BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

VŨ VĂN HÀ<sup>(\*)</sup>  
PHẠM THỊ THANH BÌNH<sup>(\*\*)</sup>

Hàn Quốc là một trong số rất ít những quốc gia đã nỗ lực để tránh được suy thoái trong bối cảnh cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu và cũng là nền kinh tế đầu tiên trong nhóm OECD tăng trưởng trở lại sau khủng hoảng. Năm 2009, khi cả thế giới công nghiệp phát triển đều bị suy thoái, GDP của Hàn Quốc vẫn tăng 0,2% và tăng tới 6,1% năm 2010 (2). Hàn Quốc chứng tỏ là một mô hình tốt cho các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam.

## 1. Đặc trưng của mô hình tăng trưởng kinh tế của Hàn Quốc

Những đặc trưng cơ bản của mô hình tăng trưởng kinh tế Hàn Quốc sau khủng hoảng tài chính toàn cầu được thể hiện bởi 4 yếu tố cơ bản sau:

*Thứ nhất, xuất khẩu - động lực tăng trưởng bền vững của kinh tế Hàn Quốc.* Là một nước nghèo tài nguyên, Hàn Quốc đã chú ý tới xuất khẩu ngay từ những ngày đầu của quá trình phát triển kinh tế. Tính cạnh tranh xuất khẩu của các doanh nghiệp Hàn Quốc rất mạnh. Xuất khẩu luôn khẳng định vị thế là động lực tăng trưởng bền vững của kinh tế Hàn Quốc. Tăng trưởng cao

của Hàn Quốc được "kích thích" bởi "mở rộng xuất khẩu" và được duy trì nhờ quá trình phát triển nhanh chóng của các ngành công nghiệp xuất khẩu. Mở rộng xuất khẩu luôn chịu "sức ép" của Chính phủ do vậy các ngành xuất khẩu nói riêng và nền kinh tế nói chung cũng luôn nhận được sự "kích thích" và sự ưu tiên của Chính phủ.

Định hướng chiến lược phát triển xuất khẩu đã buộc các công ty Hàn Quốc tiến hành quảng cáo sản phẩm ra thị trường bên ngoài hơn là thị trường trong nước. Nhờ vậy, xuất khẩu của Hàn Quốc liên tục tăng trưởng, ngay cả trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Xuất khẩu chiếm 50% trong tổng thu nhập quốc dân của Hàn Quốc. Mặc dù, giá đồng Won tăng mạnh so với đồng USD, nhưng kim ngạch xuất khẩu của Hàn Quốc vẫn khá cao. Hàn Quốc vươn lên đứng thứ 7 thế giới về xuất khẩu, tăng hai bậc so với năm 2009, chỉ sau Trung Quốc, Mỹ, Đức, Nhật Bản, Hà Lan và Pháp.

---

<sup>(\*)</sup> TS., Tạp chí Cộng sản.

<sup>(\*\*)</sup> PGS. TS., Viện Kinh tế và Chính trị thế giới.

Năm 2011, các tập đoàn lớn đặt mục xuất khẩu tăng 17% (khoảng 513 tỉ USD) là năm đầu tiên Hàn Quốc vượt ngưỡng 1 nghìn tỷ USD về kim ngạch thương mại (theo 5). Điều này khẳng định vai trò ngày càng lớn của hoạt động xuất khẩu trong mục tiêu phát triển kinh tế bền vững của Hàn Quốc.

Theo số liệu thống kê về xuất - nhập khẩu của Bộ Kinh tế và Tri thức Hàn Quốc, xuất khẩu của Hàn Quốc vượt Canada và lần đầu tiên trong lịch sử Hàn Quốc đứng trong Top 10 nước xuất khẩu lớn nhất thế giới. Sở dĩ xuất khẩu Hàn Quốc đạt được kết quả tăng trưởng mạnh là do khối lượng các mặt hàng xuất khẩu có giá trị gia tăng cao như màn hình LCD, điện thoại di động. Nếu xu hướng này tiếp tục được duy trì thì Hàn Quốc có thể vượt qua Vương quốc Anh xếp thứ 9 trong Top 10 nước xuất khẩu lớn nhất thế giới vào năm 2011.

*Thứ hai, doanh nghiệp Hàn Quốc hoạt động hiệu quả cả ở thị trường trong nước và thị trường nước ngoài, đặc biệt ở thị trường Trung Quốc.* Sau khủng hoảng Hàn Quốc đã kịp thời điều chỉnh lại chiến lược phát triển kinh tế, trong đó chú trọng tái cơ cấu lại các doanh nghiệp lớn, điều chỉnh lại nhân sự, nhấn mạnh phát triển kinh tế trí thức. Năm 2011, Hàn Quốc có 8 doanh nghiệp được nằm trong Top 50 doanh nghiệp hàng đầu tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương do tạp chí *Forbes* công bố, chỉ đứng thứ 2 (sau Trung Quốc). Top 50 doanh nghiệp này được chọn lựa từ 1000 doanh nghiệp ở châu Á, có mức doanh thu hoặc giá trị vốn thị trường ít nhất đạt 3 tỷ USD. Tiêu chuẩn để đánh giá dựa trên hiệu suất tài chính trong vòng 5 năm (2006-2011).

Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu làm giảm nhu cầu tiêu dùng ở các nước phát triển. Hàn Quốc đã tận dụng sự thay đổi chiến lược phát triển kinh tế của Trung Quốc (chuyển từ chiến lược xuất khẩu sang chiến lược hướng vào tiêu dùng nội địa) làm cơ hội thuận lợi cho hàng hóa tiêu dùng chất lượng cao của Hàn Quốc (điện, điện tử, ô tô, mỹ phẩm cao cấp và các ngành công nghiệp xây dựng, cung cấp nước, hệ thống nước thải) để xâm nhập vào thị trường Trung Quốc. Theo Cục Khuyến khích đầu tư thương mại Hàn Quốc (KOTRA – Korea Trade Investment Promotion Agency), Hàn Quốc có khoảng 4000 công ty, doanh nghiệp đang hoạt động tại Trung Quốc. Trên thực tế, các doanh nghiệp Hàn Quốc hoạt động rất hiệu quả ở thị trường Trung Quốc và các thị trường mới nổi.

Năm 2011, các tập đoàn lớn của Hàn Quốc đảm nhiệm vai trò thúc đẩy tăng trưởng cho nền kinh tế. Vai trò này được thể hiện trong mục tiêu đặt ra cho 30 tập đoàn hàng đầu quốc gia phải đạt mức đầu tư là 113,2 nghìn tỷ Won (gần 101 tỷ USD), tăng 12% so với mức đầu tư của năm 2010 (100,8 nghìn tỷ Won, khoảng 90 tỷ USD), tuyển dụng 1 triệu nhân viên và xuất khẩu 500 tỷ USD. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp dành hơn 26 nghìn tỷ Won tương đương hơn 23 tỷ USD cho hoạt động nghiên cứu và phát triển những động lực tăng trưởng mới. Kế hoạch đầu tư mới cho thấy chiến lược của các tập đoàn, doanh nghiệp nhằm vươn tới vai trò dẫn dắt công nghiệp toàn cầu trong tương lai.

Tăng đầu tư sẽ dẫn đến nhiều việc làm hơn được tạo ra. Ước tính số lao

động mà 30 tập đoàn tuyển dụng thêm trong năm 2011 sẽ đạt 118 nghìn người, đưa tổng số nhân viên của 30 tập đoàn vượt quá 1 triệu người, tăng khoảng 6% so với năm 2010. Những con số này cho thấy vai trò to lớn của các doanh nghiệp trong lĩnh vực tạo việc làm. Với kế hoạch tuyển dụng mới này, thị trường việc làm Hàn Quốc sẽ ngày càng được đẩy mạnh.

*Thứ ba, thực hiện chiến lược kích cầu kinh tế để kích thích sản xuất và khuyến khích tiêu dùng nội địa.* Nguy cơ suy thoái kép của kinh tế toàn cầu đang tác động tiêu cực tới xuất khẩu buộc Hàn Quốc phải hướng tới chỉ tiêu tiêu dùng để duy trì tăng trưởng. Vì vậy, song song với thúc đẩy xuất khẩu, Chính phủ Hàn Quốc thực hiện các biện pháp kích cầu trong nước để tạo ra sự cân bằng cho nền kinh tế. Để duy trì tăng trưởng, Hàn Quốc hướng tới chỉ tiêu tiêu dùng với gói kích cầu được thông qua lớn chưa từng có trong lịch sử, trị giá 28,9 nghìn tỷ Won (khoảng 21 tỷ USD) để chặn đứng đà suy giảm kinh tế, tạo việc làm mới. Gói kích cầu của Chính phủ Hàn Quốc tương đương với 5,4% tổng sản phẩm nội địa và là mức chi ngân sách bổ sung cao nhất trong khu vực (theo 4). Thông qua kích thích chi tiêu nội địa sẽ có lợi cho các doanh nghiệp nhỏ và những người có thu nhập thấp để vực dậy nền kinh tế và khuyến khích người nghèo làm việc. Sự phục hồi của nhu cầu tiêu dùng trong nước đi đôi với nền tảng xuất khẩu vững chắc đã tạo đà để kinh tế Hàn Quốc phát triển mạnh hơn.

*Thứ tư, vai trò quan trọng của Nhà nước trong thúc đẩy kinh tế sau khủng*

*hoảng.* Nhà nước giữ vai trò quyết định tới tăng trưởng và thay đổi cấu trúc kinh tế Hàn Quốc. Quy mô, tốc độ và định hướng phát triển của kinh tế Hàn Quốc là kết quả nỗ lực của Nhà nước trong tích lũy tư bản và thúc đẩy phát triển kinh tế. Nhà nước Hàn Quốc và các chính sách công của Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong tăng tiết kiệm, đầu tư, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Sau khủng hoảng, do đầu tư và tiêu dùng cá nhân suy giảm, Chính phủ Hàn Quốc đề xuất các giải pháp cải cách thuế sâu rộng (cắt giảm thuế thu nhập và thuế doanh nghiệp) để thúc đẩy nền kinh tế trong nước đang gặp khó khăn. Giá trị cắt giảm thuế sẽ lên tới 20.700 tỷ Won (17,8 tỷ USD) vào năm 2012 (xem: 6). Giải pháp cải cách thuế của chính phủ đã góp phần kích thích kinh tế tăng trưởng và khôi phục hoạt động đầu tư của các doanh nghiệp Hàn Quốc.

Nhằm phát triển cơ sở hạ tầng để tăng việc làm, tạo điều kiện cho ngành xây dựng cũng như kinh tế địa phương phát triển, Chính phủ Hàn Quốc đã nhanh chóng thực hiện “chính sách kinh tế - xã hội mới” với chi phí 38 tỷ USD. Ngoài ra, Chính phủ tuyên bố kế hoạch phát triển kinh tế xã hội xanh để tạo 96 ngàn việc làm cho đến năm 2012 (xem: 6). Hàn Quốc muốn thông qua những kế hoạch này vừa là để tạo việc làm, vừa là để nhằm củng cố các nền tảng cho sự phát triển sau khủng hoảng.

Để giữ đà tăng trưởng kinh tế sau khủng hoảng, Chính phủ nhấn mạnh tiếp tục nâng cao tỉ trọng ngành dịch vụ và ngành chế tạo trong nền kinh tế quốc dân, cố gắng giảm tỉ trọng ngành nông lâm ngư nghiệp, tiếp tục chú trọng và

nâng đỡ một số doanh nghiệp lớn (đóng tàu, hóa dầu, ô tô, điện tử,...) hiện đang có sức cạnh tranh và chiếm được thị phần đáng kể trên thế giới. Các doanh nghiệp lớn (Samsung, Hyundai, SK) và một số doanh nghiệp khác tạo ra giá trị tới hơn 60% doanh thu kinh tế được Chính phủ ưu tiên phát triển. Chính phủ chọn 17 ngành công nghiệp làm động lực tăng trưởng kinh tế trong tương lai, thuộc ba lĩnh vực chính (công nghệ xanh, công nghiệp công nghệ cao và dịch vụ có giá trị gia tăng cao). Các ngành công nghiệp này sẽ tạo nên tăng trưởng kinh tế qua việc mở rộng thị trường, phát triển các công nghệ cơ bản, tạo ra giá trị gia tăng khoảng 600 tỷ USD, hơn 3,5 triệu việc làm và tăng kim ngạch xuất khẩu trong các ngành công nghiệp lên 700 triệu USD vào năm 2018 (xem: 6). Sự kết hợp giữa các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn sẽ giúp kinh tế Hàn Quốc tiếp tục phát triển mạnh.

Để nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp sau khủng hoảng, Chính phủ thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp thông qua các biện pháp cắt giảm thuế, tăng chi ngân sách và bảo đảm tính thanh khoản; loại bỏ những công ty làm ăn thua lỗ và hỗ trợ những doanh nghiệp có tiềm năng cũng như những công ty vừa và nhỏ. Đặc biệt, Chính phủ trợ giúp để những người có thu nhập thấp bảo đảm cuộc sống trong tình hình kinh tế khó khăn.

## 2. Đánh giá và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Nhờ có sự chuyển đổi mô hình tăng trưởng hợp lý sau khủng hoảng, kinh tế của Hàn Quốc tăng trưởng vững chắc, khối lượng thương mại tăng khoảng 1000 tỷ USD (2011) (xem: 6), giúp Hàn

Quốc vươn lên là nền kinh tế có GDP bình quân đầu người đứng thứ 13 trên thế giới, khối lượng thương mại lớn thứ 8 thế giới.

Khủng hoảng nợ công châu Âu không tác động nhiều đến nền kinh tế Hàn Quốc do mối quan hệ tài chính cũng như quy mô giao dịch thương mại giữa Hàn Quốc và các nước châu Âu không lớn. Xuất khẩu của Hàn Quốc sang châu Âu chỉ chiếm 12,7% trong tổng lượng xuất khẩu, trong đó xuất khẩu sang các nước Nam Âu chỉ chiếm có 2,4% (theo 7) nên khủng hoảng nợ công Nam Âu sẽ không tác động mạnh lên nền kinh tế Hàn Quốc. Tuy nhiên, Hàn Quốc sẽ chịu ảnh hưởng gián tiếp nếu các nhà đầu tư nước ngoài rút vốn đầu tư khỏi các nền kinh tế mới nổi trong đó có Hàn Quốc để đầu tư vào các tài sản khác an toàn hơn. Khi đó, tỷ giá hối đoái của đồng Won sẽ tăng mạnh và giá cổ phiếu sẽ giảm đáng kể, dẫn đến nguy cơ xảy ra một cuộc khủng hoảng tài chính toàn diện.

Sau khủng hoảng tài chính toàn cầu, tính lành mạnh ngoại tệ của các cơ quan tài chính Hàn Quốc đã được cải thiện nhiều và nền kinh tế Hàn Quốc cũng đang trên đà hồi phục nhanh chóng nên Hàn Quốc sẽ không bị ảnh hưởng nhiều bởi cuộc khủng hoảng nợ công châu Âu. Hàn Quốc được dự báo sẽ nổi lên trở thành nền kinh tế thứ tư thế giới vào năm 2040 tính theo sức mua tương đương (7).

Kinh tế Việt Nam, mặc dù đạt được tốc độ tăng trưởng cao, trung bình hơn 7,0% trong hơn 2 thập kỷ qua, tuy nhiên, tăng trưởng chưa ổn định và thiếu bền vững. Mô hình tăng trưởng

của Việt Nam chủ yếu theo chiều rộng (dựa vào tăng vốn và lao động) chứ chưa có sức bật tăng trưởng theo chiều sâu (chưa đổi mới tiến bộ công nghệ nên không cải thiện được năng suất). Yếu tố đóng góp chủ yếu vào tăng trưởng GDP vẫn là vốn. Cụ thể, vốn đóng góp vào tăng trưởng lên tới hơn 64% (giai đoạn 2000 – 2005), trong khi phần đóng góp của lao động là 19,2% và đóng góp năng suất hiệu quả là 16,1% (7). Bên cạnh đó, việc sử dụng đồng vốn đầu tư lại đem lại hiệu quả kinh tế thấp, thể hiện rõ qua sự tăng nhanh của hệ số ICOR (tỷ lệ vốn đầu tư so với tốc độ tăng trưởng) tăng nhanh qua các giai đoạn: 2,8% (1991); 2,9% (1995); 4,6% (2000); 4,3% (2005); 6,9% (2008) và 8,1% (2009) (8). Để tăng trưởng cần nhiều vốn đầu tư, khiến tín dụng tăng theo. Nhưng do nền kinh tế kém hiệu quả, hiệu suất sử dụng vốn đầu tư thấp nên kết cục tất yếu là lạm phát tăng cao (bình quân 11%), thâm hụt ngân sách lớn (6-7% GDP) (8). Với mô hình tăng trưởng dựa vào tăng vốn đầu tư, vào tài nguyên khoáng sản và lao động chất lượng thấp sẽ dẫn tới nhiều bất ổn. Vì vậy, đổi mới mô hình tăng trưởng là cần thiết và xu hướng đổi mới cần tập trung vào những yếu tố sau:

*Thứ nhất, mô hình tăng trưởng lấy hiệu quả là chủ yếu.* Tăng trưởng kinh tế Việt Nam phụ thuộc quá nhiều vào việc khai thác tài nguyên thiên nhiên, hiệu quả thấp và phân bổ lợi ích bất hợp lý. Ô nhiễm môi trường đang chiếm một tỷ trọng lớn trong nền kinh tế. Vì vậy, cần phải loại bỏ những rào cản chính sách làm tổn hại đến môi trường và chuyển dần sang một nền kinh tế xanh. Mục tiêu là tăng năng suất chứ không

phải chỉ tăng lợi nhuận của một vài công ty, khuyến khích các doanh nghiệp cạnh tranh ở mức độ cao hơn thay vì chính phủ bảo hộ cho họ tránh khỏi áp lực cạnh tranh.

*Thứ hai, tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước.* Việt Nam vẫn còn hơn 1.200 doanh nghiệp nhà nước (2010). Bên cạnh một số doanh nghiệp hoạt động kinh doanh hiệu quả, tạo sự ảnh hưởng, chi phối và lan tỏa đến đời sống xã hội. Trên thực tế, nhiều tập đoàn, tổng công ty nhà nước hoạt động sản xuất, kinh doanh chưa hiệu quả, năng suất lao động chưa cao, sức cạnh tranh hạn chế, đầu tư tràn lan. Vì vậy, việc tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước là một trong những nhiệm vụ trọng tâm cấp bách cần thực hiện.

Tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước sẽ tập trung vào 5 nhiệm vụ chính sau: *Một là*, phân loại doanh nghiệp nhà nước theo ngành nghề, lĩnh vực; *Hai là*, đẩy mạnh cổ phần hóa doanh nghiệp theo hướng giảm tỷ lệ sở hữu nhà nước; *Ba là*, tổ chức sắp xếp và tái cấu trúc từng doanh nghiệp, nâng cao năng lực, hiệu lực và hiệu quả quản trị doanh nghiệp; *Bốn là*, tăng cường quản lý giám sát nhà nước đối với doanh nghiệp, phân định rõ chức năng quản lý nhà nước với chức năng thực hiện quyền chủ sở hữu; *Năm là*, sắp xếp, tái cấu trúc các công ty nông, lâm nghiệp (nông, lâm trường quốc doanh). Tái cấu trúc không phải là hạn chế, làm giảm vai trò mà phải làm cho doanh nghiệp nhà nước mạnh hơn, thực sự trở thành nòng cốt của kinh tế nhà nước, góp phần để kinh tế nhà nước thực hiện vai trò chủ đạo trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội

chủ nghĩa. Quá trình tái cấu trúc phải quán triệt các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đổi mới, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước. Tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước phải thực hiện trên cả phương diện vĩ mô và vi mô. Mục tiêu tái cấu trúc doanh nghiệp Việt Nam là hình thành mô hình quản trị doanh nghiệp phù hợp với thông lệ quốc tế để đến năm 2015, Việt Nam được xếp vào nhóm các nước đứng đầu trong xếp hạng quản trị tốt.

*Thứ ba, cơ cấu lại thị trường tài chính với trọng tâm là tái cấu trúc hệ thống ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính.* Hệ thống ngân hàng thương mại là xương sống của khu vực tài chính. Nhưng trên thực tế, các ngân hàng đang là mầm mống đe dọa sự ổn định kinh tế vĩ mô. Yếu kém hiện nay của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam là tăng trưởng không cân đối. Tăng nhanh về quy mô và vốn trong khi các thiết chế quản lý chưa theo kịp. Sự mất cân đối thể hiện ở tăng trưởng tín dụng quá nhanh, quản lý các dòng tiền vào ra còn hạn chế và đặc biệt là tỷ lệ nợ xấu của hệ thống ngân hàng thương mại lên rất cao. Tổng nợ xấu của hệ thống ngân hàng vào khoảng 75.000 tỷ đồng (6/2011), tăng 50% so với năm 2010. Tăng cường quản trị rủi ro trong các ngân hàng thương mại, trước hết tập trung vào các khoản nợ xấu, nợ có nguy cơ cao. Ngăn ngừa sự lan rộng của nợ xấu trong từng ngân hàng. Hệ thống ngân hàng thương mại cần được thanh lọc, thông qua hoạt động M&A (mua bán, sáp nhập) hoặc các biện pháp khác để duy trì hệ thống các ngân hàng mạnh, có tiềm lực tài chính và năng lực cạnh tranh tốt.

*Thứ tư, thay đổi chiến lược thu hút vốn đầu tư nước ngoài (FDI).* Thực trạng hiện nay FDI ngày càng tập trung vào lĩnh vực bất động sản và các ngành sử dụng nhiều lao động, chưa có tác dụng lan tỏa tích cực của FDI đối với khu vực trong nước. Đầu tư vào lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản vốn dĩ đã ít lại đang có xu hướng giảm (khoảng 6% năm 2006 xuống còn chưa tới 1% năm 2008). Các nhà đầu tư nước ngoài đến Việt Nam chủ yếu nhờ yếu tố chi phí nhân công thấp. Mô hình tăng trưởng dựa vào đầu tư nước ngoài của Việt Nam đang bị thách thức nghiêm trọng trong bối cảnh khủng hoảng tài chính toàn cầu. Đầu tư nước ngoài không còn chỉ để giải quyết việc làm mà còn phải nhằm nâng cao năng suất và trình độ công nghệ. Cần chủ động trong việc thu hút và lựa chọn đầu tư. Chiến lược xúc tiến đầu tư (promotion) cần được thay bằng chiến lược hấp dẫn đầu tư (attraction). Nghĩa là, có tiêu chí lựa chọn kỹ nhà đầu tư chiến lược dựa trên mức đóng góp thuế thu nhập.

*Thứ năm, chú trọng phát triển nông nghiệp.* Muốn kiềm chế được lạm phát phải dựa vào nông nghiệp, lý do: *Một là*, do tập trung xây dựng cơ cấu kinh tế hiện đại (giảm tỉ trọng nông nghiệp, tăng tỉ trọng công nghiệp và dịch vụ) cho nên quỹ đất dành cho nông nghiệp bị thu hẹp, trong khi dân số gia tăng (làm tăng nhu cầu về lượng thực) cộng thêm ảnh hưởng của biến đổi khí hậu (giảm sản lượng nông nghiệp) và việc chia sẻ đất nông nghiệp phục vụ cho sản xuất nhiên liệu sinh học... dẫn đến đất nông nghiệp bị thu hẹp, tình trạng khan hiếm lương thực, thực phẩm làm cho giá cả, lạm phát tăng cao, gây nên những

bất ổn chính trị xã hội; *Hai là*, phát triển sản xuất nông nghiệp, chế biến nông sản là lĩnh vực Việt Nam có thế mạnh và những thế mạnh đó đã và đang góp phần đem lại sự ổn định. Đổi mới mô hình tăng trưởng cần chú trọng phát triển nông nghiệp. Phát triển nông nghiệp tập trung vào “tam nông” (nông nghiệp, nông thôn, nông dân) là tiền đề phát triển công nghiệp bền vững. Ưu tiên tăng đầu tư cho các chương trình, dự án phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp như: Chương trình giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản. Nông nghiệp phát triển tốt góp phần rất lớn cho việc kiềm chế lạm phát. Chú trọng phát triển nông nghiệp theo hướng chuyên canh tập trung, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả và đời sống vật chất tinh thần dân cư nông thôn. Tập trung phát triển chăn nuôi theo hướng bền vững, xây dựng hệ thống thủy lợi đồng bộ.

*Thứ sáu, giảm quy mô, đồng thời nâng cao hiệu quả đầu tư công.* Theo các chuyên gia kinh tế, mỗi năm Việt Nam phải bỏ ra lượng tiền đầu tư công bằng khoảng 17-20% GDP so với mức 5% GDP của các nước trong khu vực trong khi kết quả đầu tư công thấp. ICOR của khu vực công hiện cao gấp rưỡi so với mức ICOR chung của nền kinh tế và gấp đôi so với ICOR của khu vực tư nhân. Không nên quá dựa vào đầu tư công để tạo ra tăng trưởng bởi đầu tư công chiếm số lượng vốn rất lớn. Cần khuyến khích khu vực tư nhân cùng tham gia đầu tư. Tỷ lệ đầu tư công tăng 40% GDP (10/2011) nhưng hiệu quả đầu tư thấp. Chính sự kém hiệu quả và lãng phí khiến đầu tư công trở thành tác

nhân chính gây lạm phát. Việc cắt giảm đầu tư công thời gian qua còn hạn chế. Số lượng dự án bị cắt giảm tương đối nhiều, nhưng thực tế quy ra tiền vốn lại ít. Nếu nâng cao được hiệu quả đầu tư công sẽ cải thiện được đáng kể môi trường kinh doanh và hiệu quả kinh tế. Để thực hiện điều đó cần quán triệt những nguyên tắc cơ bản sau: *Một là*, đầu tư công trên cơ sở quy hoạch, có chất lượng cao và ổn định; *Hai là*, phối hợp hài hòa các mục tiêu (kinh tế - xã hội, môi trường) và lợi ích (quốc gia, địa phương, ngành) và tính đến tiêu chí đầu tư công (đầu tư vì lợi nhuận và đầu tư phi lợi nhuận); *Ba là*, tập trung nguồn vốn đầu tư để nâng cao hiệu quả đầu tư xã hội; *Bốn là*, tăng cường giám sát, kiểm tra, xử lý các vi phạm đầu tư công bằng các công cụ tài chính – hành chính.

*Tóm lại*, chuyển đổi mô hình kinh tế để vượt qua cái bẫy thu nhập trung bình là điều Việt Nam cần làm như các nước trong khu vực đã thực hiện (Hàn Quốc, Malaysia, Thailand, Trung Quốc...). Chuyển đổi mô hình phát triển của Trung Quốc tập trung chủ yếu vào nâng cao chất lượng tăng trưởng, chú trọng hơn đến phát triển nông thôn, phát triển hợp lý vấn đề tam nông. Tránh tăng trưởng tốc độ cao mà quên đi vấn đề môi trường và xây dựng nền kinh tế tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu. Hy vọng, với quyết tâm chuyển đổi mô hình tăng trưởng, Việt Nam sẽ khôi phục được khó khăn trong ngắn hạn, phát triển kinh tế với hiệu quả cao, chất lượng tốt, bền vững hơn, hướng đến mục tiêu cơ bản trở thành nước công nghiệp hóa theo hướng hiện đại vào năm 2020.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. OECD. Economic Policy Reform 2011: Going to Growth, 2011.
2. OECD. Economic Survey of Korea 2010. *Economic Development*, 2011.
3. Christian Oliver. South Korean enterprises pursue success in China. *Journal of International Business Insight*, September, 2010.
4. Zhang Zheng-Zai. Direct Investment Strategy of Korean Invested Enterprises in China: Changes and Correlation. *International Business*, February 2011.
5. Hồi phục kinh tế và vai trò của tập đoàn lớn. [http://world.kbs.co.kr/vietnamese/news/news\\_issue\\_detail.htm?No=20784&id=issue](http://world.kbs.co.kr/vietnamese/news/news_issue_detail.htm?No=20784&id=issue)
6. Những động lực kinh tế mới của Hàn Quốc. [http://rki.kbs.co.kr/vietnamese/news/news\\_issue\\_detail.htm?No=14618](http://rki.kbs.co.kr/vietnamese/news/news_issue_detail.htm?No=14618)
7. Ngô Doãn Vịnh. Bấm đúng huyệt để đổi mới thành công phương thức tăng kinh tế ở nước ta. Bài tham luận hội thảo khoa học “Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế”, ngày 19/12/2011.
8. Phạm Việt Dũng. Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước. *Tạp chí Công sản*, 2011, số 830 (tháng 12).
9. Nguyễn Minh Phong. Nâng cao hiệu quả đầu tư công ở Việt Nam. *Tạp chí Công sản*, 2012, số 832 (tháng 2).

(xem tiếp trang 62)

LƯƠNG MINH CỪ, VŨ VĂN THƯ. **Sở hữu tư nhân và kinh tế tư nhân ở Việt Nam hiện nay - Một số nhận thức về lý luận và thực tiễn**. H.: Chính trị quốc gia, 2011, 271 tr., Vb 49981.

Sau gần 30 năm thực hiện đường lối đổi mới, kinh tế tư nhân nước ta đã đóng góp rất hiệu quả vào sự phát triển của nền kinh tế đất nước. Tuy nhiên, tiềm lực kinh tế tư nhân vẫn chưa được khai thác đầy đủ, còn nhiều hạn chế, yếu kém về quy mô, vốn, công nghệ, trình độ quản lý và sức cạnh tranh.

Nội dung cuốn sách là những phân tích làm rõ những nhận thức lý luận về sở hữu và sở hữu tư nhân, trên cơ sở đó đi đến khẳng định việc thực hiện đa dạng hoá các hình thức sở hữu, các loại hình kinh tế là một tất yếu khách quan

trong nền kinh tế thị trường. Bên cạnh đó, các tác giả cũng làm rõ nguồn gốc hình thành và đặc điểm cơ bản của sở hữu tư nhân, kinh tế tư nhân trong lịch sử nói chung và Việt Nam nói riêng; bản chất, vai trò, vị trí của nó trong nền kinh tế thị trường.

Cuốn sách cũng đem đến cho độc giả nhận thức rõ hơn về quy luật vận động, xu thế phát triển của sở hữu tư nhân, kinh tế tư nhân thời điểm hiện tại và tương lai trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Nội dung sách được trình bày trong hai phần: Phần 1, *Đặc điểm của sở hữu tư nhân, kinh tế tư nhân trong tiến trình phát triển lịch sử thế giới và Việt Nam*. Phần 2, *Sở hữu tư nhân trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*.

TRUNG HẬU